TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - H phúc

Bản án số: 245/2020/DS-PT
Ngày: 26-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự - nợ hụi;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Ông Đinh Chí Tâm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự - nợ hụi* ". Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/ DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 339/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Số 48, ấp H, xã L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp;

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957;
2. Ông Võ Văn H, sinh năm 1956;

Cùng địa chỉ: Số 294, ấp H, xã L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp;

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Trước đây bà T, ông H có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ, dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 15/6/2012 âm lịch, gồm 23 hụi viên, 04 tháng khui một lần, tiền huê hồng là 1.000.000 đồng, bà T và ông H tham gia một phần và hốt hụi lần thứ 14 với số tiền là 93.700.000 đồng, có làm biên nhận, bà T và ông H đóng hụi chết đến lần khui 21 thì không đóng nữa. Trong danh sách hụi lúc đầu

có 21 phần nhưng khui được 01 lần thì có thêm hai người tham gia nên nên tổng số hụi viên tham gia là 23 hụi viên, hụi hiện nay đã mãn, bà H đã xuất tiền đóng tràng 02 lần hụi chết cho bà T, ông H.

Nay bà H yêu cầu ông H, bà T trả cho bà H tiền nợ hụi còn lại là 10.000.000 đồng. Ngoài ra, bà H không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn Nguyễn Thị T; ông Võ Văn H trình bày:

- Bà T thừa nhận có tham gia hụi do bà H làm chủ, hụi 5.000.000 đồng, gồm 21 hụi viên, khui lần đầu ngày 15/6/2012 âm lịch, ông H bà T tham gia 01 phần, hốt hụi vào lần thứ 14, sau khi trừ huê hồng thì bà T và ông H nhận của bà H số tiền 87.100.000 đồng, sau khi hốt hụi thì ông H, bà T đóng hụi đầy đủ đến hết lần khui thứ 21.

Đối với nội dung trong Biên nhận tiền hụi ngày 26/10/2016 âm lịch mà bà H cung cấp là không đúng, bà T, ông H chỉ nhận số tiền 87.100.000 đồng không có nhận số tiền 93.700.000 đồng như trong biên nhận; bà T và ông H thừa nhận có ký tên vào Biên nhận này nhưng không đọc rõ nội dung.

Do trong lúc chơi hụi, bà H không có thông báo cho ông H, bà T về việc có thêm 02 hụi viên nên ông H, bà T không biết, sau khi đóng hết lần hụi thứ 21 thì bà H mới thông báo nên mới biết. Do trong danh sách hụi chỉ có 21 hụi viên nên bà T và ông H đã thực hiện xong nghĩa vụ đóng hụi chết nên không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Bị đơn ông Võ Văn H thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị T.

3. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H.

Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Võ Văn H trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền hụi 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Về án phí: Ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị T được miễn tiền án phí.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số BH/2018/0009152 ngày 17/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, các chi phí tố tụng khác và tuyên về thời hạn kháng cáo và thời hiệu yêu cầu thi hành án.

5. Sau khi xét xử sơ thẩm bà T, ông H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 14/2020/ DS-ST ngày 27/04/2020 của Tòa án huyện V.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn; giữ nguyên nội dung kháng cáo;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng có của bà T, ông H. Giữ nguyên nội dung quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn H về số tiền hụi còn nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là Tranh chấp về hợp đồng dân sự - nợ hụi phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án hiện đang sinh sống tại xã L, huyện V nên Tòa án huyện V thụ lý giải quyết là phù hợp với quy tại khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà T, ông H về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm; Ông H, bà T không đồng ý trả số tiền nợ hụi là 10.000.000đ cho bà H;

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Bà T, ông H đều thừa nhận có tham gia dây hụi mùa (04 tháng khui 01lần) do bà H làm chủ, hụi 5.000.000 đồng, hụi khui lần đầu ngày 15/6/2012 âm lịch. Bà T đã hốt hụi vào lần thứ 14. Căn cứ vào biên nhận hụi ngày 26/10/2016 (âl) thể hiện, dây hụi gồm có 23 hụi viên, bà T, ông H có nhận số tiền hụi là 93.700.00đ; trên giấy nhận hụi thể hiện như sau: 13 chết x 5 triệu = 65.000.000đ; 9 sống x 3.300.000đ = 29.700.000đ (65.000.000đ + 29.700.000đ = 94.700.000đ) trừ huê hồng 1.000.000đ, nên số tiền mà bà T và ông H đã nhận là 93.700.000đ; Tuy nhiên, bà T, ông H cho rằng chỉ có nhận số tiền 87.100.000đ của 21 phần hụi và đã đóng đủ số tiền của dây hụi này nên không đồng ý trả tiếp số tiền hụi của 02 kỳ còn lại là 10.000.000đ.

Mặc dù, giấy hụi ban đầu bà H đưa cho bà T thể hiện có 21 hụi viên, nhưng khi đến kỳ khui hụi thì có thêm 02 hụi viên tham gia, nên nâng tổng số hụi viên của dây hụi này là 23 người; đúng ra bà H phải thu lại giấy hụi ban đầu để giao lại giấy hụi mới cho bà T hoặc ghi thêm tên 02 hụi viên vào giấy mở hụi để cho bà T biết, chính vì vậy nên đã phát sinh tranh chấp. Bà T cho rằng do nội dung trên giấy nhận hụi do bà H đưa bà chỉ có ký mà không có đọc nên không đồng ý trả thêm tiền hụi là 10.000.000đ, xét lời trình bày của bà T là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, ông H, giữ nguyên nội dung quyết định của bản án sơ thẩm mới là phù hợp.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, ông H; bà T ông H phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định nhưng do bà T, ông H có đơn xin miễn và thuộc trường hợp được miễn nên ông, bà không phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, án phí phúc thẩm.

Các nội dung còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn H;

2. Giữ nguyên nội dung quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DS-ST ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện V;

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H.

- Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Võ Văn H trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H số tiền nợ hụi còn nợ là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị T được miễn tiền án phí.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số BH/2018/0009152 ngày 17/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

* Về án phí phúc thẩm:

Ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị T được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Lấp Vò;
- Chi cục THADS H. Lấp Vò;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Võ Trinh